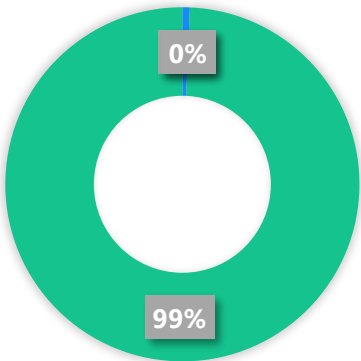


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,500
SL cổ phiếu LH		4,947,477
KLGD BQ 20 phiên (CP)		110
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		27
P/E		-2.9
EPS		-1,917

	YTD	1T	3T	6T
SSM	19.6%	7.8%	-1.8%	-8.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

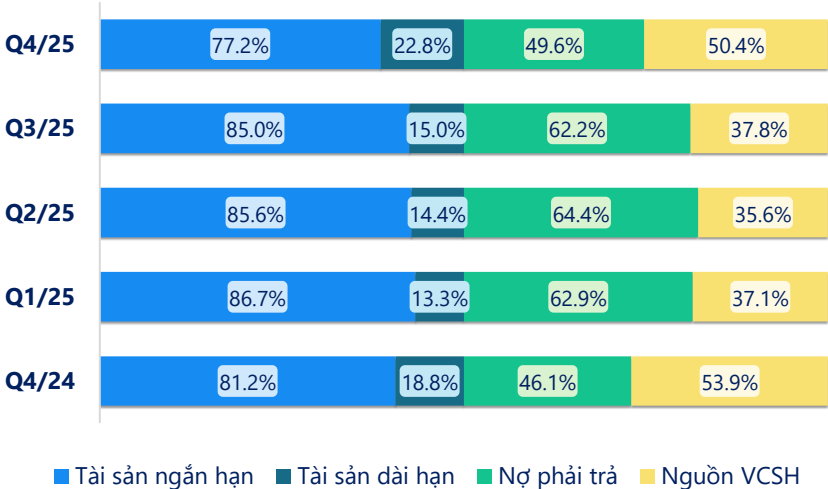
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

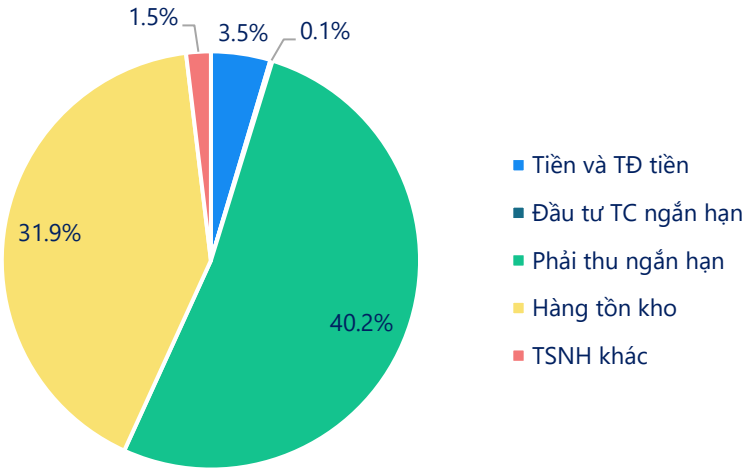
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

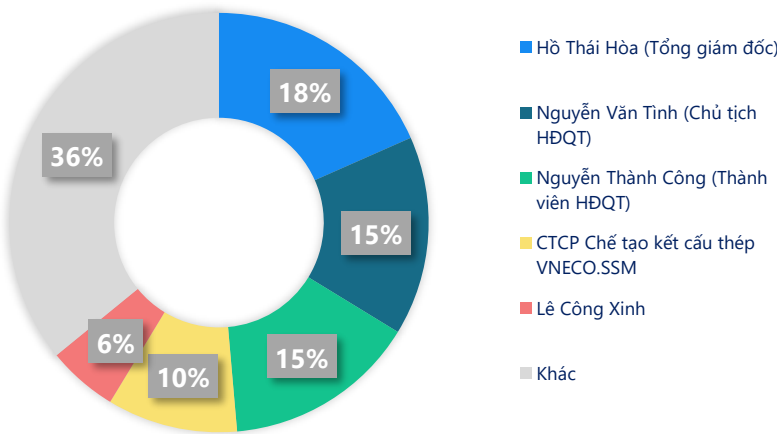
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

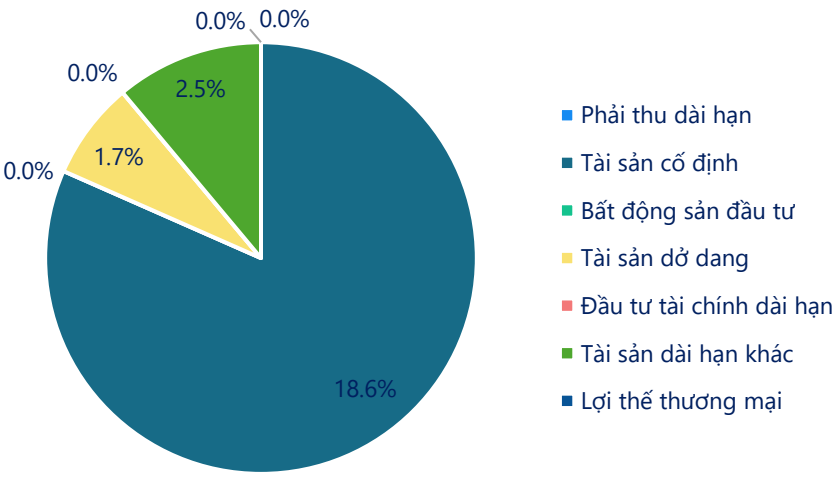
Cơ cấu cổ đông



- Hồ Thái Hòa (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Tình (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thành Công (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM
- Lê Công Xinh
- Khác

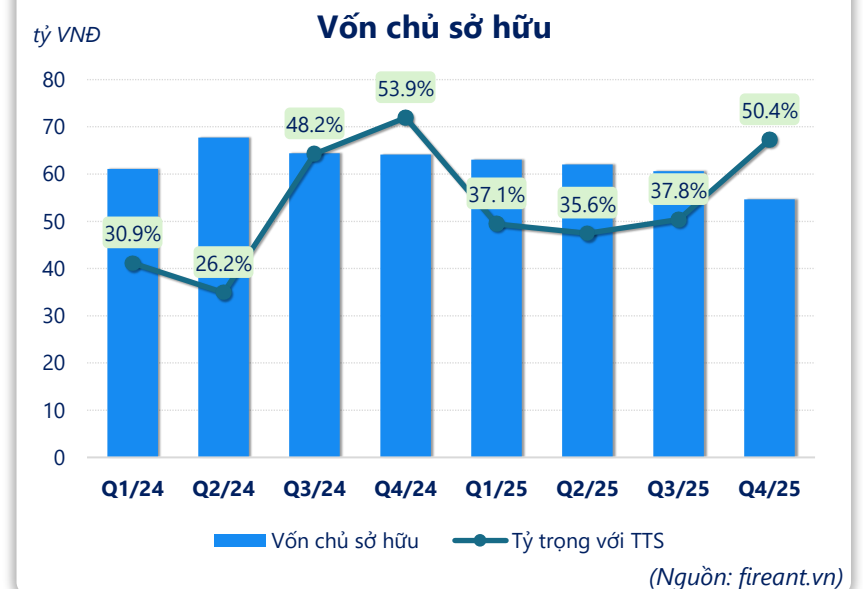
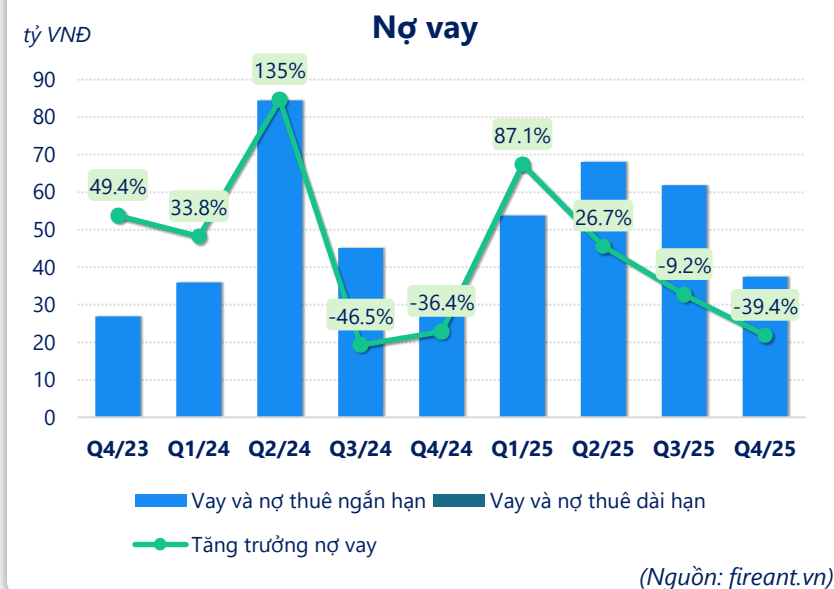
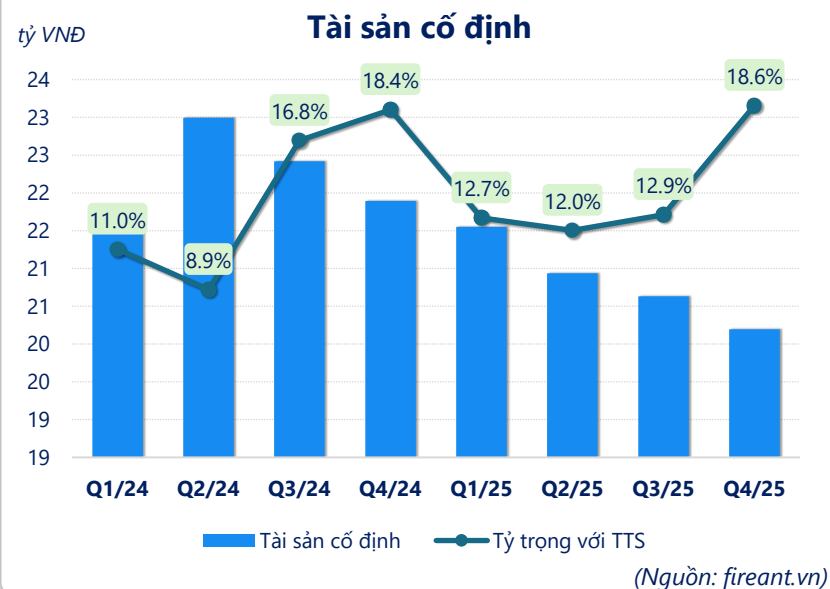
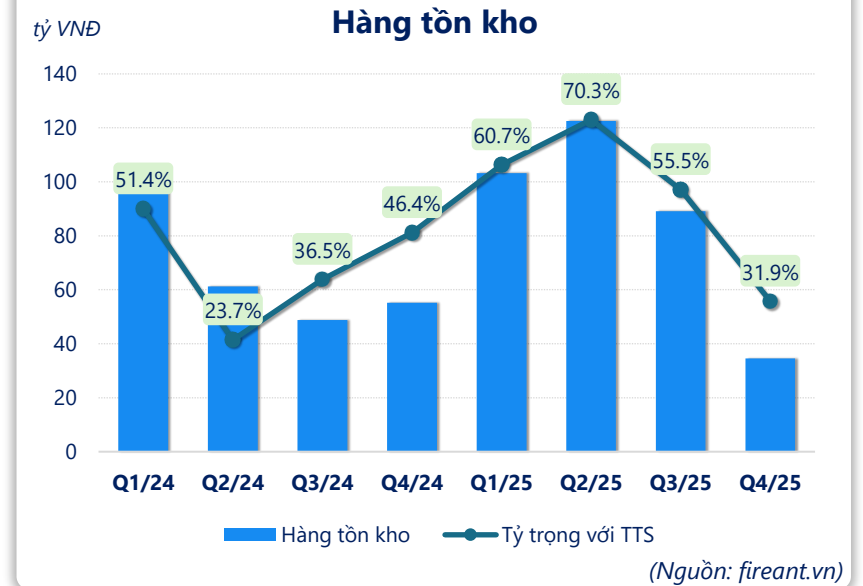
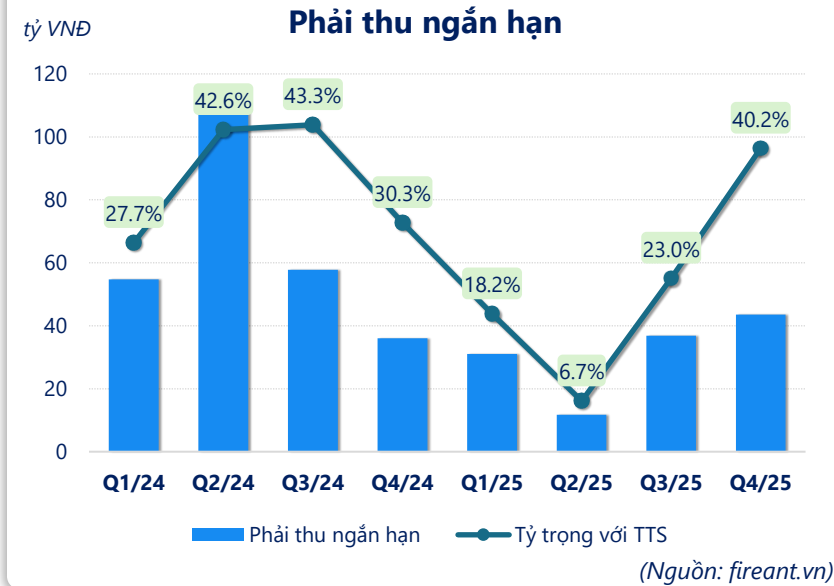
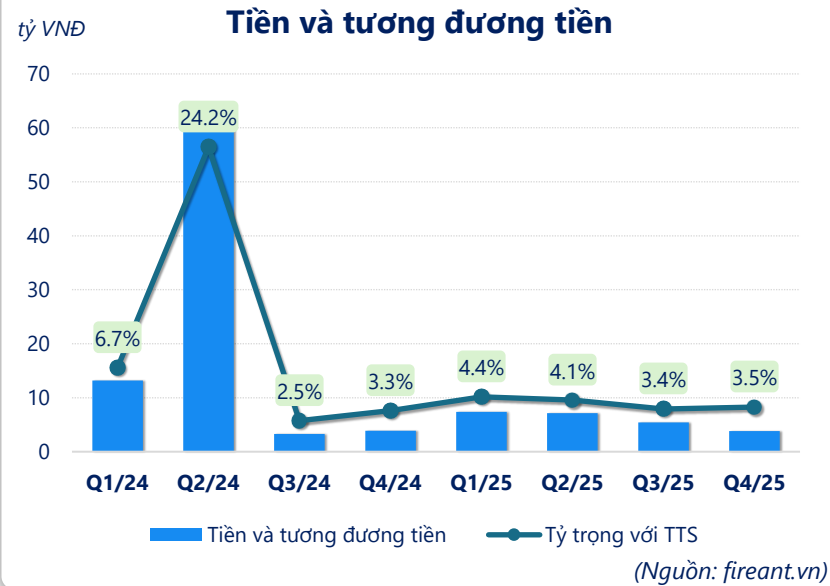
(Nguồn: fireant.vn)

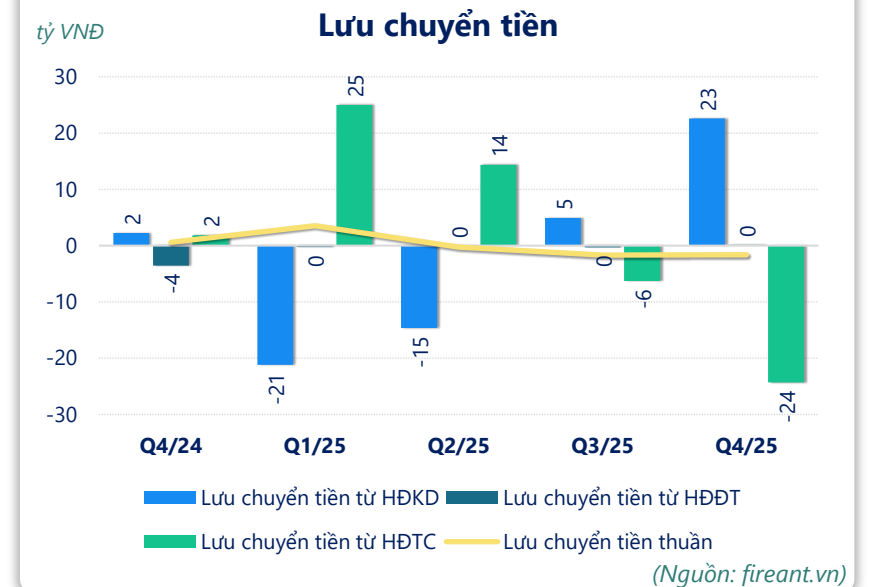
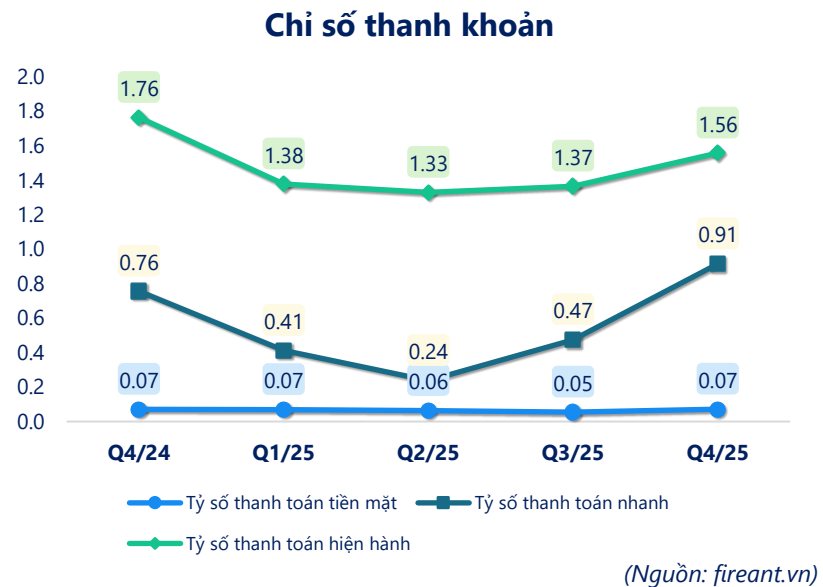
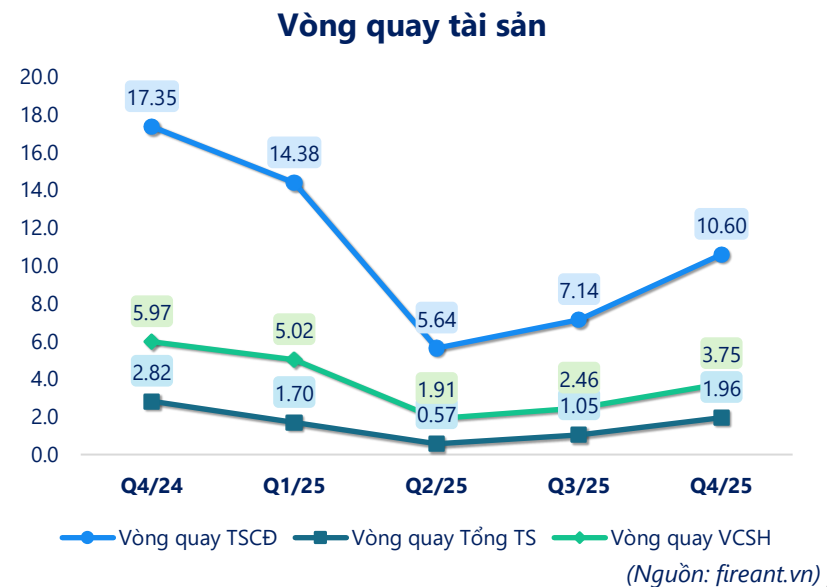
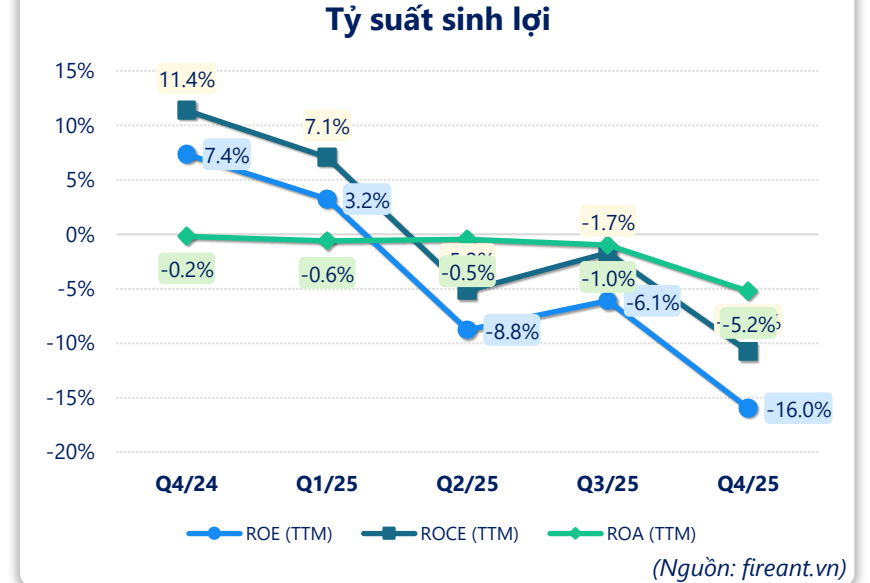
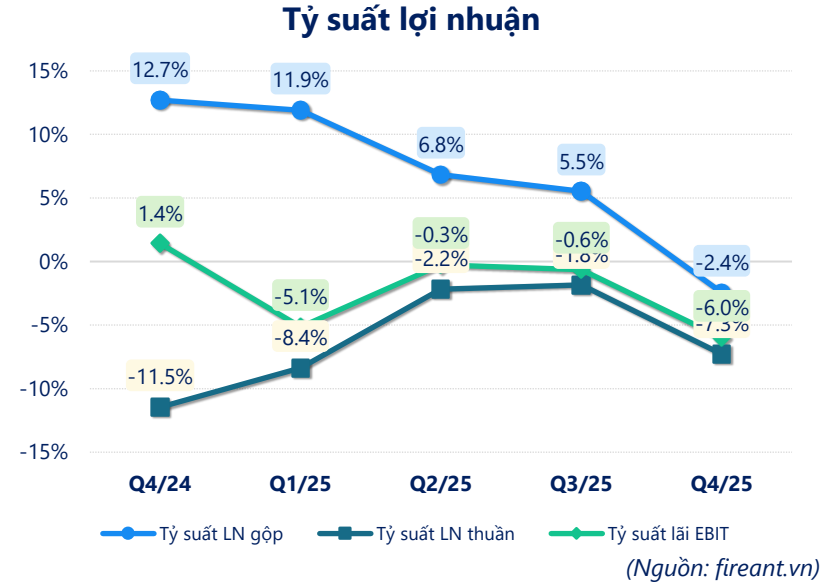
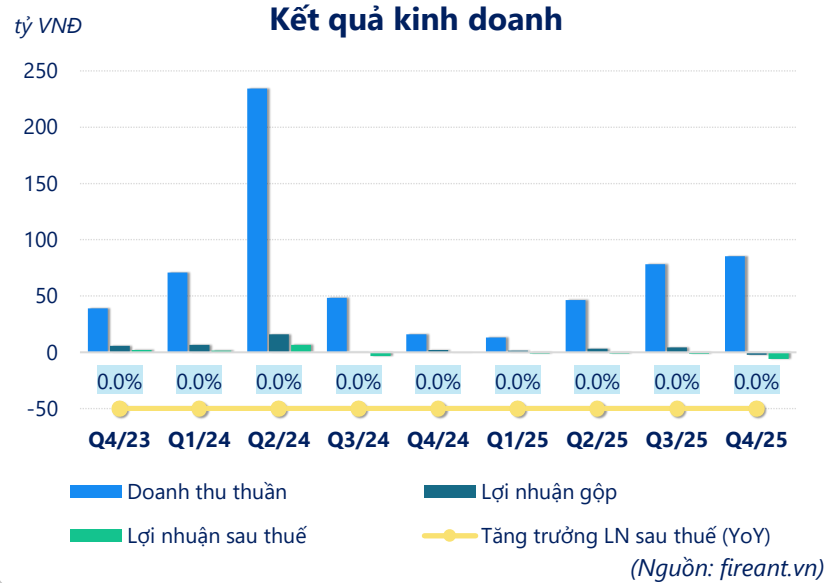
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	108	119	-8.9%
Tài sản ngắn hạn	83.6	96.6	-13.4%
Tiền và tương đương tiền	3.85	3.87	-0.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.14	0.09	57.3%
Phải thu ngắn hạn	43.5	36.1	20.7%
Hàng tồn kho	34.5	55.2	-37.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.60	1.43	11.9%
Tài sản dài hạn	24.7	22.3	10.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.2	21.9	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.81	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.74	0.44	523%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.7	54.8	-1.9%
Nợ ngắn hạn	53.7	54.8	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.5	28.7	30.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.11	14.9	-38.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.7	64.2	-14.8%
Vốn chủ sở hữu	54.7	64.2	-14.8%
Vốn điều lệ	55.0	55.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	15.9	13.0	46.4	78.4	85.3
Giá vốn hàng bán	13.9	11.5	43.2	74.0	87.3
Lợi nhuận gộp	2.02	1.55	3.18	4.32	-2.08
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.24	0.43	0.85	0.94	0.82
Chi phí lãi vay	0.48	0.43	0.88	0.95	0.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0	1.51	2.38	0.58
Chi phí QLDN	2.57	2.20	1.82	2.45	2.73
LN thuần từ HĐKD	-1.83	-1.09	-1.00	-1.44	-6.21
Lợi nhuận khác	1.57	-0.01	0.00	-0.01	0.28
LN trước thuế	-0.25	-1.10	-1.01	-1.45	-5.93
Lợi nhuận sau thuế	-0.25	-1.10	-1.01	-1.45	-5.93
LNST của CĐ cty mẹ	-0.25	-1.10	-1.01	-1.45	-5.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.26	-21.2	-14.6	4.89	22.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.53	-0.27	0.00	-0.31	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.85	25.0	14.4	-6.26	-24.3
Tiền đầu kỳ	3.29	3.87	7.40	7.13	5.45
Lưu chuyển tiền thuần	0.58	3.53	-0.27	-1.68	-1.60
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.87	7.40	7.13	5.45	3.85

(Nguồn: fireant.vn)